

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 134/2023/HC-ST

Ngày: 05 – 9 – 2023

V/v “Kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hòa, bà Nguyễn Thị Thanh Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Khổng Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 57/2023/TLST-HC ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2023/QĐXXST-HC ngày 24/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2023/QĐST-HC ngày 21/8/2023 và Thông báo chuyển lịch xét xử, giữa các đương sự:

* **Người khởi kiện:** Bà Trịnh Thị L; địa chỉ: Thôn A, xã Ea, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như H- Sinh năm 1970, (có mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã Ea, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

* **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số I T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- **Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Nguyễn Minh C. Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:** Bà Nguyễn Thị L1- Chuyên viên phòng tư pháp huyện Ea Kar, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2023 và quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Năm 2000 gia đình bà Trịnh Thị L nhận sang nhượng của ông Nguyễn Văn C1 trú tại thôn A, xã Ea,

huyện E, tỉnh Đắk Lắk 01 thửa đất tại thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, diện tích nhận sang nhượng khoảng 1ha có giấy sang nhượng viết tay của ông C1.

Lô đất có tứ cận như sau: Phía đông giáp đất ông Tuyên B, phía tây giáp rừng dầu và suối cạn, phía Tây nam giáp đường đi liên thôn và T, phía Bắc giáp đất bà L2, bà H1, ngoài ra gia đình bà L còn khai hoang thêm một số diện tích đất, tổng diện tích đất của gia đình bà L khai hoang và nhận sang nhượng từ ông C1 là khoảng 2,5 ha. Ngày 26/8/2005, Ủy ban nhân dân xã C, huyện E có biên bản thỏa thuận thu hồi diện tích đất này của gia đình bà L để quy hoạch xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã C, trạm y tế, sân thể của thao Ủy ban nhân dân xã, đồng thời bố trí khu tái định cư đất ở cho gia đình bà L. Do tin tưởng nên bà L đã tạo điều kiện bàn giao đất cho Ủy ban nhân dân xã C. Sau khi xây dựng xong, Ủy ban nhân dân xã K thực hiện cấp đất tái định cư, không đền bù cho gia đình bà L, gia đình bà L nhiều năm nay có đơn khiếu nại, kiến nghị nhưng không được giải quyết. Sau đó, bà L đã ủy quyền cho ông Nguyễn Như H để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho gia đình bà L theo quy định của pháp luật. Ông H đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân huyện E giải quyết dứt điểm việc thu hồi đất của gia đình bà L. Ngày 22/12/2020, Ủy ban nhân dân xã C tổ chức tiến hành kiểm tra hiện trạng ông Nguyễn Kim H2 nguyên chủ tịch xã có mặt đã thừa nhận bà L có diện tích đất tại thực địa là đúng thực tế, gia đình bà L đã làm đơn khiếu nại trong nhiều năm mà không được giải quyết dứt điểm cho bà L.

Ngày 05/11/2021, Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Công văn số 2436/CV-UBND về việc giải quyết đơn, tại công văn này Ủy ban nhân dân huyện E cho rằng bà L không có đất, giấy sang nhượng đất viết tay ghi ngày 03/02/2000 của ông Nguyễn Văn C1 là không phải chữ ký và chữ viết của ông C1, mặt khác đất này do lâm trường quản lý nên không được nhận tiền đền bù. Không đồng ý với nội dung Công văn số 2436/CV-UBND của Ủy ban nhân dân huyện E bà L làm đơn khiếu nại.

Ngày 17/12/2021, Ủy ban nhân dân huyện E ban hành thông báo số 404/TB- UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu. Ngày 07/01/2022, Đoàn xác minh số 777 của Ủy ban nhân dân huyện E đã thực hiện việc đo đạc kiểm tra hiện trạng thửa đất và có bản mô tả kèm theo. Tuy nhiên, do đo bằng máy hiện trạng lô đất có nhiều điểm nổi nên đơn vị đo đạc chưa tính toán được số liệu chính xác để đưa vào biên bản.

Ngày 08/3/2022, gia đình bà L nhận được Quyết định số 98/QĐ-UBND của UBND huyện E đề ngày 02/3/2022 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với phần diện tích đất của bà L có 8 sào (8000 m²). Tại quyết định giải quyết khiếu nại số 98/QĐ- UBND này có nhiều mâu thuẫn nghiêm trọng chưa được làm rõ, cụ thể như: Việc ông Nguyễn Văn C1 cho rằng ông C1 không bán đất cho bà L và giấy sang nhượng đất ghi ngày 03/02/2000 không phải do ông viết ra và ký; việc ông C1 từ chối là không sang nhượng đất cho bà L thì gia đình bà L có đề nghị Ủy ban nhân dân huyện E chuyển hồ sơ đến cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện E để điều tra làm rõ về tội Làm giả giấy tờ chiếm đoạt tài sản của Nhà nước, Ủy ban nhân dân huyện C đã trưng cầu giám định nhưng không

làm rõ xem bà L có làm giả giấy sang nhượng đất hay không. Mặt khác, ngày 07/01/2022 Ủy ban nhân dân huyện E đã thành lập đoàn xác minh đo đạc thực địa, xác định mốc giới và diện tích đất thực tế để giải quyết đơn khiếu nại nhưng Ủy ban nhân dân huyện E không đưa số liệu đã được đo đạc diện tích thực tế để giải quyết đơn khiếu nại một cách khách quan, Ủy ban nhân dân huyện cho rằng đất này ông Nguyễn Văn C1 mới chuyển giao lại đất Lâm nghiệp trái phép cho ông Nguyễn Văn P con trai bà L sử dụng 8000m² là không đúng.

Nhận thấy Ủy ban nhân dân huyện E giải quyết đơn khiếu nại không khách quan, không đúng thực tế và làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà L. Cụ thể các sai phạm:

- Thứ nhất, Ủy ban nhân dân huyện E giải quyết đơn khiếu nại về tranh chấp đất đai mà không có trích lục thửa đất 8000m² đất này nằm ở vị trí nào, thửa đất số bao nhiêu, tờ bản đồ bao nhiêu.

- Thứ hai, không làm rõ giấy sang nhượng đất của ông Nguyễn Văn C1 sang nhượng cho bà L hay sang nhượng cho ông P để thực hiện việc đền bù đúng đối tượng.

- Thứ ba, bà L khiếu nại để làm rõ diện tích đất 2,5ha của bà L nhưng Ủy ban nhân dân huyện lại giải quyết việc thu hồi và đền bù là không đúng.

- Thứ tư, việc thu hồi đất của gia đình bà L nhưng không có quyết định thu hồi đất, không có Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ, khi Nhà nước thu hồi đất sai về diện tích đất 1,7ha và số tài sản trên đất là 125 cây điều.

- Thứ năm: Việc thu hồi diện tích 2,5ha đất của gia đình bà L năm 2005 có thỏa thuận cấp đất ở tái định cư cho gia đình bà L nhưng Ủy ban nhân dân huyện E không cấp đất tái định cư cho gia đình bà L mà hỗ trợ số tiền 111.512.000 đồng là không đúng theo quy định của pháp luật.

- Thứ sáu, gia đình bà L khiếu nại diện tích đất 2,5ha là đất của gia đình bà nhưng Ủy ban nhân dân huyện E lại chỉ giải quyết 8000m² và áp giá hỗ trợ cho gia đình bà là không đúng pháp luật.

Do đó người khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết:

Hủy bỏ Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của UBND huyện E.

** Người đại diện theo ủy quyền của người bị khởi kiện – Ông Nguyễn Minh C trình bày:*

- Trước đó, ông Nguyễn Như H (người đại diện theo ủy quyền của bà Trịnh Thị L) kiến nghị, diện tích đất của bà Trịnh Thị L có 1,5 ha, UBND xã thu hồi năm 2005 để xây dựng trụ sở UBND xã C, sân bóng và Trạm y tế xã chưa được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

- Ngày 16 tháng 11 năm 2021, UBND huyện đã nhận được đơn khiếu nại ghi ngày 15/11/2021 của ông Nguyễn Như H, thường trú tại thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, nội dung đơn khiếu nại:

Khiếu nại về việc Nhà nước thu hồi 25.000m² đất của bà Trịnh thị L3 năm 2005 để xây dựng trụ sở UBND xã C, sân bóng và Trạm y tế xã chưa được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

* Kết quả giải quyết của UBND huyện kết luận như sau:

- Ngày 05/11/2021, UBND huyện E ban hành Công văn số: 2436/CV-UBND về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Nguyễn Như H. Việc ông Nguyễn Như H kiến nghị yêu cầu bồi thường về đất và tài sản trên đất là không có cơ sở để được xem xét giải quyết.

- Về nguồn gốc thửa đất khiếu nại: Từ ngày 03/7/2003 trở về trước là đất lâm nghiệp do Lâm trường huyện E quản lý; Từ ngày 04/7/2003 đến nay, đất do UBND xã quản lý theo quy định của pháp luật. Theo chứng cứ, tài liệu thu thập được thì việc mua bán đất của các bên có liên quan đến thửa đất trên là trái pháp luật, không được pháp luật thừa nhận. Năm 2005 tách xã E và xã C, đất lâm nghiệp tại khu vực này quy hoạch để xây dựng các công trình công cộng và đã được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/12/2010 cho Trạm Y tế xã với diện tích 4.253 m²; ngày 14/12/2010 cho UBND xã C với diện tích 8.522 m².

- Về thửa đất 25.000m² bà Trịnh Thị L cho rằng mua năm 2000 của ông C1 10.000m² và quá trình sử dụng khai hoang thêm là không đúng sự thật. Ông Nguyễn Văn C1 không công nhận bán đất cho bà L mà bán cho ông Nguyễn Văn P và vợ ông P tên T là con trai và con dâu của bà L vào năm 2004. Thửa đất có bề rộng khoảng 40m, dài khoảng 200m, tổng diện tích đất khoảng 8 sào (8.000m²) và là đất trống chưa trồng cây gì, việc mua bán này không được chính quyền xác nhận.

Qua làm việc với ông Nguyễn Văn C1, ông Phùng Văn T1, ông Nguyễn Kim H2, nguyên Chủ tịch UBND xã C và các hộ dân có liên quan, các chủ thầu xây 2 công trình trên; Căn cứ biên bản xử lý khu vực giải toả khu trung tâm ngày 26/8/2005, do ông Nguyễn Kim H2, nguyên Chủ tịch UBND xã C ký xác nhận và trình bày cho thấy: Diện tích đất bà Trịnh Thị L sử dụng sản xuất nông nghiệp do ông Nguyễn Văn C1 chuyển giao đất lâm nghiệp trái phép cho ông Nguyễn Văn P (con trai bà L) năm 2004, có diện tích đất là 8 sào (8.000m²), có trồng 25 cây điều thường năm thứ 2 và sắp sắp thu hoạch trên diện tích đất này, theo Biên bản xử lý khu vực giải toả khu trung tâm lập ngày 26/8/2005 của UBND xã C. Ông Nguyễn Kim H2, nguyên Chủ tịch UBND xã C không công nhận biên bản gốc ngày 26/8/2005, đã bị sửa chữa từ 25 cây điều thành 250 cây điều rồi sửa lại 150 cây điều, năm trồng thứ 2, sửa lại năm thứ 3 là không đúng với bản gốc. Lý do: Nếu UBND xã lập không đúng thì lập lại biên bản khác hoặc sửa số liệu thì phải đóng dấu chứng thực vào số liệu đã sửa chữa mới là có giá trị pháp lý, như vậy:

- Nội dung đơn khiếu nại của bà Trịnh Thị L4 đúng một phần: Bà Trịnh Thị L là người sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất là 8 sào (8.000m²), có trồng 25 cây điều thường năm thứ 2 và sắp sắp thu hoạch trên diện tích đất này

theo Biên bản xử lý khu vực giải toả khu trung tâm ngày 26/8/2005 do UBND xã C lập. Mặc dù, biên bản gốc UBND xã C lập ngày 26/8/2005 bị sửa chữa, không ghi diện tích đất. Đến tháng 9/2005, Ủy ban xây dựng trụ sở UBND xã; Trạm Y tế xã chưa được xem xét theo quy định của pháp luật đất đai là có cơ sở để xem xét giải quyết.

- Nội dung khiếu nại không đúng: Việc đơn khiếu nại và trình bày trong biên bản làm việc cho rằng khai hoang thêm 17.000m² là không có cơ sở để xem xét. Bởi vì: Năm 2004 ông Nguyễn Văn C1 mới giao lại đất lâm nghiệp mua bán trái phép cho ông Nguyễn Văn P con trai bà L sử dụng có 8 sào (8.000m²); Tháng 8/2005, UBND xã lập Biên bản xử lý giải toả đất khu vực khu trung tâm với bà Trịnh Thị L.

Từ những nhận định và căn cứ trên, UBND huyện quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Trịnh Thị L với nội dung: Chấp nhận một phần nội dung khiếu nại của bà Trịnh Thị L. Hộ bà Trịnh Thị L là người sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất là 8 sào (8.000m²) năm 2004, có trồng 25 cây điều thường năm thứ 2 và sắp sắp thu hoạch trên diện tích đất này theo Biên bản xử lý khu vực giải toả khu trung tâm ngày 26/8/2005 do UBND xã C lập. Đất không đủ điều kiện bồi thường, được xem xét hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật đất đai.

*** Quan điểm của UBND huyện E**

Trên cơ sở các hồ sơ, chứng cứ, tài liệu trình bày trên, UBND huyện E nhận thấy:

1. Việc UBND huyện E ban hành Quyết định số: 98/QĐ-UBND, ngày 02/3/2022 về việc giải quyết khiếu nại của bà Trịnh Thị L là đúng quy định của pháp luật Đất đai;

2. Việc bà Trịnh Thị L yêu cầu UBND huyện E lập phương án, trình tự, thủ tục thu hồi đền bù giải phóng mặt bằng diện tích 25.000m² mà bà Trịnh Thị L nêu trên là không có cơ sở để xem xét giải quyết.

3. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử bác đơn khởi kiện của bà Trịnh Thị L.

Tại phiên tòa người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án người bị kiện giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử bác đơn khởi kiện của bà Trịnh Thị L.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Về nội dung: Nguồn gốc diện tích đất 8.000m² của bà L nhận chuyển nhượng của ông C1 và diện tích 17.000m² đất khai hoang là do lấn chiếm đất Nhà nước giao cho Lâm trường huyện E quản lý, nên theo quy định tại Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 quy định trường hợp đất được Nhà nước giao để quản lý

mà bị lấn chiếm, thì không được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi, nhưng được xem xét hỗ trợ theo quy định của UBND tỉnh. Theo biên bản xử lý khu vực giải tỏa khu trung tâm ngày 26/5/2005 do Ủy ban nhân dân xã C lập thể hiện bà L nhận chuyển nhượng trái phép diện tích 8.000m² từ ông Nguyễn Văn C1, bà L là người sản xuất nông nghiệp trên diện tích 8.000m². Vì vậy, tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 98/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E chấp nhận một phần nội dung đơn khiếu nại, xem xét hỗ trợ đối với diện tích đất 8.000 m² và cây trồng trên đất cho bà Trịnh Thị L là đúng quy định pháp luật. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị L yêu cầu Hủy Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án.

Ngày 07/3/2023, bà Trịnh Thị L nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND huyện E “Về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trịnh Thị L, địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (lần đầu)” là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định tại Điều 7; khoản 4 Điều 32 và Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Xét nội dung vụ việc, Hội đồng xét xử xét thấy: Phần thửa đất của hộ bà Trịnh Thị L bị thu hồi có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn C1 vào ngày 03/02/2000 với diện tích ghi trong Giấy sang nhượng là 1ha. Ngày 26/8/2005 tại Biên bản xử lý khu vực giải tỏa khu trung tâm của Ủy ban nhân dân xã C đã yêu cầu hộ bà L giải tỏa các tài sản trên đất để tiến hành giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, trong Biên bản này không ghi diện tích bị thu hồi của hộ gia đình bà L, số lượng kiểm đếm các cây trồng trên đất bị sửa chữa. Hộ gia đình bà L đã tiến hành bàn giao mặt bằng để tiến hành xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã C. Sau khi xây dựng xong trụ sở Ủy ban nhân dân xã, hộ bà L vẫn không được giải quyết đền bù về đất và tài sản trên đất. Ngày 03/9/2019, người đại diện theo ủy quyền của bà Trịnh Thị L là ông Nguyễn Như H đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân huyện E giải quyết dứt điểm việc thu hồi đất của hộ bà Trịnh Thị L. Ngày 05/11/2021, Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Công văn số 2436/CV-UBND “về việc giải quyết đơn kiến nghị của ông Nguyễn Như H” với nội dung “Bác đơn của ông Nguyễn Như H”. Không đồng ý với Công văn số

2436/CV-UBND ngày 05/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện E, đến ngày 15/11/2021 ông Nguyễn Như H làm đơn khiếu nại.

Sau khi nhận đơn khiếu nại của ông Nguyễn Như H (người đại diện theo ủy quyền của bà Trịnh Thị L), Ủy ban nhân dân huyện E đã tiến hành lập tổ xác minh số 777 để xác minh về nội dung khiếu nại của ông H. Đến ngày 02/3/2022, Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định số 98/QĐ-UBND *“Về việc giải quyết khiếu nại của bà Trịnh Thị L lần đầu”*. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Do đó, bà Trịnh Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị L, yêu cầu Hủy Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của UBND huyện E, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của người khởi kiện thì phần diện tích đất của bà L có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông C1, diện tích ghi trên giấy sang nhượng là 1ha và 1 phần do bà L khai hoang. Theo trình bày của người bị kiện từ ngày 03/7/2003 trở về trước là đất lâm nghiệp do Lâm trường huyện E quản lý theo quy định của pháp luật. Việc mua bán đất của các bên liên quan là trái pháp luật. Tuy nhiên, bà L không bị xử phạt hành chính về hành vi nhận chuyển nhượng hoặc sử dụng đất trái pháp luật, bà L đã sử dụng ổn định trên thửa đất nhận chuyển nhượng của ông C1 cho đến khi bị thu hồi đất.

Tổ xác minh số 777 đã làm việc với những cá nhân có liên quan đến thửa đất của hộ bà Trịnh Thị L, đã lấy lời khai của ông Nguyễn Văn C1 là người chuyển nhượng đất cho bà L, nhưng ông C1 chỉ thừa nhận là chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn P, bà T là con của bà L. Tuy nhiên, ông P không thừa nhận việc ông nhận chuyển nhượng đất từ ông C1. Mặc dù, có mâu thuẫn trong lời khai của các bên nhưng tổ xác minh không lập biên bản đối chất, không tiến hành giám định chữ ký chữ viết của ông Nguyễn Văn C1 trong giấy sang nhượng đất cho bà L mà chỉ dựa vào lời khai của ông C1 để kết luận ông C1 không chuyển nhượng cho bà L là thiếu cơ sở pháp lý.

Đoàn xác minh cũng đã làm việc với một số cá nhân liên quan thì họ chỉ trình bày diện tích của bà L khoảng 7000- 8000 m². Đoàn xác minh chỉ dựa vào lời khai của những người liên quan để xác định diện tích đất của bà L là không có căn cứ.

[4]. Xét nội dung của Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 *“về việc giải quyết khiếu nại của bà Trịnh Thị L lần đầu”*, nhận thấy: Ủy ban nhân dân huyện E cho rằng bà L *“tổ chức sản xuất trên diện tích 1ha mua trái phép theo Giấy sang nhượng của ông C1 vào ngày 03/02/2000 và khai hoang thêm đến thời điểm Ủy ban nhân dân xã C lập biên bản xử lý khu vực giải tỏa khu trung tâm lập ngày 26/8/2005 là 2,5ha là không có trong thực tế”*. Trong quá

trình giải quyết vụ án, người khởi kiện đã có đơn yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn C1 trong giấy sang nhượng đất với bà L. Kết luận Giám định Số 767/KL-KTHS ngày 26/6/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ kết luận chữ ký, chữ viết trong giấy sang nhượng đất ngày 03/02/2003 là của ông Nguyễn Văn C1. Mặt khác, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thì hiện trạng đất của bà L đã xây dựng các công trình như Hội trường xã, nhà xã đội, sân xi măng... nhưng Ủy ban nhân dân huyện E không tiến hành đo đạc xác định tứ cận, vị trí đất của bà L mà chỉ dựa vào lời trình bày của các bên và một số cá nhân liên quan để xác định diện tích đất của bà L là không chính xác. Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E cho rằng: Bà Trịnh Thị L là người sản xuất nông nghiệp trên diện tích 8 sào (8000m²), do ông Nguyễn Văn C1 chuyển giao đất lâm nghiệp là không có căn cứ và đồng thời số diện tích 8000 m² mà Ủy ban nhân dân huyện E bồi thường, đền bù cho bà L nhưng Ủy ban lại không xác định được đất ở vị trí nào. Trong biên bản xử lý khu vực giải tỏa khu trung tâm lập ngày 26/8/2005 số lượng kiểm đếm tài sản trên đất đã bị sửa chữa nhưng Ủy ban nhân dân huyện E vẫn làm căn cứ để giải quyết khiếu nại là không chính xác.

[5] Từ những phân tích và lập luận nêu trên, nhận thấy: Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 “về việc giải quyết khiếu nại của bà Trịnh Thị L lần đầu” là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Khiếu nại. Tuy nhiên, nội dung quyết định nêu trên chấp nhận 1 phần đơn khiếu nại của bà Trịnh Thị L là chưa phù hợp, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L. Do đó, việc bà Trịnh Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E “về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trịnh Thị L” là có căn cứ. Ngoài ra, bà L cho rằng ngoài diện tích nhận chuyển nhượng 1ha từ ông C1 thì bà còn khai hoang thêm 1,5 ha nữa nên tổng diện tích đất của bà L là 2,5ha thì đề nghị Ủy ban nhân dân huyện E tiếp tục xem xét làm rõ yêu cầu của bà L.

[6] Về chi phí tố tụng: Ủy ban nhân dân huyện E phải chịu chi phí giám định 5.000.000đ và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000đ đã được Tòa án chi phí xong. Bà Trịnh Thị L được nhận lại 7.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định và xem xét thẩm định tại chỗ khi thu được của Ủy ban nhân dân huyện E.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị L được chấp nhận nên bà L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Ủy ban nhân dân huyện E phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 và khoản 4 Điều 32, các Điều 79, 157, 158, 164, 191, 193, 194, 204, 206, 345, 348, 357, 358 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 204 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 18, 27, 29, 30, 31 của Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Trịnh Thị L đối với người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Hủy Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E.

2. Về chi phí tố tụng: Ủy ban nhân dân huyện E phải chịu chi phí giám định 5.000.000 đồng và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng đã được Tòa án chi phí xong. Bà Trịnh Thị L được nhận lại 7.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định và xem xét thẩm định tại chỗ khi thu được của Ủy ban nhân dân huyện E.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện E phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án Hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr